

Bản án số: 90/2025/KDTM-ST
Ngày : 04-9-2025
“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Lê Thị Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Trần Giang Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á** (Ngân hàng A1); trụ sở: Số nhà D, đường N, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ (giấy ủy quyền số: 1214/UQ-QLN.24 ngày 06/8/2024)

Ông L ủy quyền lại cho: Ông Mai Nhật A - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á – Chi nhánh V; địa chỉ liên lạc: Số C, đường H, Phường A, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền số 196/UQ-QLN.25 ngày 26/02/2025) (có mặt)

*** Bị đơn:**

1. Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1983; (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L1**, sinh năm 1980; (vắng mặt).

Ông N, bà L1 cùng nơi cư trú: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (gọi tắt Ngân hàng A1) ông Mai Nhật A trình bày:*

Vào ngày 01/02/2024, Ngân hàng có ký với ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 ký các hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN. 1495.260124 ngày 01/02/2024; số tiền vay hạn mức là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng); thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân; mục đích cho vay: Tiêu dùng có tài sản bảo đảm; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ cụ thể; lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, A1 đã giải ngân cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 bằng giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ như (gọi tắt là khế ước nhận nợ), sau:

Khế ước nhận nợ số: VIL.CN.1495.260124/01 (số tài khoản 426546839), giải ngân ngày 05/02/2024; số tiền giải ngân: 500.000.000đồng; phương thức giải ngân: Tiêu dùng có TSBĐ - Mua sắm trang thiết bị vật dụng sinh hoạt gia đình - Mua sắm trang thiết bị, vật dụng sinh hoạt gia đình như tủ, bàn, ghế, đồ điện máy, điện lạnh, tranh treo tường....cho căn nhà tại Số A Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long - nơi khách hàng đang sinh sống (nơi hộ kinh doanh tiệm B hoạt động); chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14207647 của ông Lê Văn N tại Ngân hàng A1; thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 06/02/2024 đến ngày 05/02/2034); lãi suất vay: (lãi suất trong hạn: 9,00%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = Lãi suất cơ sở + 3,50%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm).

Hợp đồng thứ 2: Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.1469.260124 ngày 01/02/2024, chi tiết như sau: Số tiền cho vay hạn mức là 700.000.000đồng; mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ gia công vàng, bạc và mua bán trang sức bạc; phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; phương thức giải ngân: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ cụ thể; thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 24 tháng, kể từ ngày giao kết hợp đồng cấp tín dụng mức tín dụng (ngày 01/02/2024); thời hạn cho vay: 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân; lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm)

Để thực hiện thỏa thuận tín dụng và hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng A1 đã giải ngân cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 theo giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ (gọi tắt là khế ước nhận nợ), như sau:

- Khế ước nhận nợ số: VIL.CN.1469.260124/01 (số tài khoản 430762009), giải ngân ngày 12/3/2024; số tiền giải ngân: 200.000.000đồng; phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14207647 của ông Lê Văn N tại Ngân hàng A1 từ ngày 13/3/2024 đến ngày 12/9/2024; lãi suất: Lãi suất trong hạn: 9,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = Lãi suất cơ sở + 3,00%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: VIL.CN.1469.260124/02 (số tài khoản 435330269), giải ngân ngày 20/4/2024; số tiền giải ngân: 100.000.000đồng; phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14207647 của ông Lê Văn N tại Ngân hàng A1 từ ngày 21/4/2024 đến ngày 20/10/2024; lãi suất: Lãi suất trong hạn: 8,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = Lãi suất cơ sở + 3,00%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm).

- Khế ước nhận nợ số: VIL.CN.1469.260124/03 (số tài khoản 435512459), giải ngân ngày 22/4/2024; số tiền giải ngân: 100.000.000đồng; phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14207647 của ông Lê Văn N tại Ngân hàng A1 từ ngày 23/4/2024 đến ngày 22/10/2024; lãi suất: Lãi suất trong hạn: 8,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = Lãi suất cơ sở + 3,00%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm).

- Khế ước nhận nợ số: VIL.CN.1469.260124/03 (số tài khoản 435616259), giải ngân ngày 23/4/2024; số tiền giải ngân: 100.000.000đồng; phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14207647 của ông Lê Văn N tại Ngân hàng A1 từ ngày 24/4/2024 đến ngày 23/10/2024; lãi suất: Lãi suất trong hạn: 8,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = Lãi suất cơ sở + 3,00%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm).

- Khế ước nhận nợ số: VIL.CN.1469.260124/04 (số tài khoản 438376689), giải ngân ngày 17/5/2024; số tiền giải ngân: 200.000.000đồng; phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14207647 của ông Lê Văn N tại Ngân hàng A1 từ ngày 18/5/2024 đến ngày 17/11/2024; lãi suất: Lãi suất trong hạn: 8,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = Lãi suất cơ sở + 3,00%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm).

Ngoài ra, Ngân hàng A1 còn cấp cho ông Lê Văn N:

Thẻ tín dụng thứ nhất: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/8/2020, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1; các văn

bản khác của ông Lê Văn N ký với A1 về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng: 970416*****9629; ngày cấp: 14/8/2020; loại thẻ: Express Credit; hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 8/2022; lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A1 – là một phần không tách rời của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Thẻ tín dụng thứ hai: Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân cấp thẻ tín dụng ngày 19/5/2023, gồm: Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1; Các văn bản khác của ông Lê Văn N ký với Ngân hàng A1 về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng: 436599*****8111; ngày cấp: 19/5/2023; loại thẻ: Visa S; hạn mức thẻ: 150.000.000 đồng; hiệu lực thẻ đến: 19/5/2026; lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A1 – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Để đảm bảo khoản vay ông N và bà L1 thế chấp cho Ngân hàng A1 tài sản sau đây: Quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 3 đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 595827, số vào sổ cấp GCN: CH08014 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 20/8/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm cho Ngân hàng A1 vào ngày 13/8/2020).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng ông N và bà L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ông N và bà L1 đã thanh toán cho Ngân hàng A1 tính đến ngày 02/8/2024 tổng nợ gốc lãi là 65.541.018đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 25.002.000đồng; tiền nợ lãi là 40.539.018đồng). Ngân hàng A1 đã nhiều lần liên hệ ông N và bà L1 cùng tìm phương hướng giải quyết các khoản nợ vay nhưng ông, bà không có phương hướng và không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng A1 yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 cùng liên đới trả Ngân hàng A1 tổng số tiền tính đến ngày 14/02/2025 là 1.461.139.707đồng (một tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng), (trong đó gồm: dư nợ gốc 1.374.417.062 đồng, lãi trong hạn 25.651.323 đồng, lãi quá hạn 59.907.133 đồng, phạt chậm trả lãi 1.164.189 đồng);

- Ngân hàng A1 được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 15/02/2025 theo các hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ đã ký đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A1 sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: VIL.BĐCN.61.130820 được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Vĩnh Long ngày 13/8/2020, số công chứng 09555, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ (tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, tài

sản gắn liền với đất tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 595827, số vào sổ cấp GCN: CH08014 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 20/8/2025 cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1)

Ngoài ra, Ngân hàng A1 yêu cầu ông N, bà L1 trả toàn bộ tiền án phí và các khoản phí khác liên quan đến vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Các hợp đồng tính dụng, hợp đồng thế chấp và giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ; thông báo nhắc nợ, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

** Bị đơn ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 gửi Tòa án nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông, bà không cung cấp chứng cứ và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn, bị đơn không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- Nguyên đơn Ngân hàng A1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng A1 yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 cùng liên đới trả Ngân hàng A1 tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2025 1.589.979.762 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng), (trong đó: dư nợ gốc 1.374.417.062 đồng, lãi trong hạn 25.651.323 đồng, lãi quá hạn 184.535.897 đồng, phạt chậm trả lãi 5.375.480 đồng).

- Ngân hàng A1 được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 05/9/2025 theo các hợp đồng tính dụng; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/8/2020, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân cấp thẻ tín dụng ngày 19/5/2023, cụ thể:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN. 1469.260124 ngày 01/02/2024 và các giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ, cụ thể: Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/01 (số tài khoản 430762009), giải ngân ngày 12/3/2024; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/02 (số tài khoản 435330269), giải ngân ngày 20/4/2024; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/03 (số tài khoản 435512459), giải ngân ngày 22/4/2024; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/03 (số

tài khoản 435616259), giải ngân ngày 23/4/2024; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/04 (số tài khoản 438376689), giải ngân ngày 17/5/2024;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.1495.260124 ngày 01/02/2024 và giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1495.260124/01 (số tài khoản 426546839), giải ngân ngày 05/02/2024.

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/8/2020, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1;

+ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân cấp thẻ tín dụng ngày 19/5/2023, gồm: Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1

Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A1; trong trường hợp, ông N và bà L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A1 sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, Ngân hàng A1 còn yêu cầu ông N và bà L1 phải chịu toàn bộ tiền án phí và các phí khác liên quan đến vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vắng mặt tại phiên tòa.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng nhưng đương sự vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt đương sự vẫn đảm bảo thủ tục theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á là tổ chức có đăng ký kinh doanh và hoạt động; bị đơn là hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh vì mục đích lợi nhuận nên phải xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 30, 35, 39, 147, 157, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 318, 322, 323, 463, 466, 468 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019-NQ-HĐTP về Xử lý việc không trả nợ đúng hạn trong hợp đồng vay tài sản; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Buộc ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả Ngân hàng A1 tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2025 là 1.584.604.282đồng (một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi hai đồng),(trong đó: dư nợ gốc 1.374.417.062đồng, lãi trong hạn 25.651.323đồng, lãi quá hạn 184.535.897đồng).

Không chấp nhận yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả lãi phạt chậm trả lãi là 5.375.480đồng.

Ngân hàng A1 được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 05/9/2025 theo các hợp đồng tính dụng và khế ước nhận nợ đã ký đối với lãi trong hạn và lãi quá hạn cho đến khi ông N, bà L1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A1; nếu ông N, bà L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ;

Về án phí: Buộc ông N, bà L1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông N, bà L1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng khác (xem xét, thẩm định tại chỗ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng A1 với bị đơn ông N, bà L1 có mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ gia công vàng, bạc và mua bán trang sức bạc; hộ kinh doanh tiệm B, chủ hộ kinh doanh: Lê Văn N có ngành nghề kinh doanh: “*Dịch vụ gia công: Vàng, bạc. Mua bán bạc; Mua bán: Thủy sản, cá cảnh, cây kiểng, lúa, gạo, đường, bánh, kẹo, bia, nước giải khát, đồ gia dụng*” được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 54.A.8018517 được Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố V cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/5/2020, đăng ký bổ sung, thay đổi lần 1, ngày 20/7/2020; nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á là tổ chức có đăng ký kinh doanh và hoạt động vì mục đích lợi nhuận nên phải xác định đây là án kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không tham gia quá trình tiến hành tố

tụng tại Tòa án, không cung cấp văn bản phản đối tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra.

Do đó, Tòa án xem xét tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, 94 và Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông N, bà L1 theo thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo quy định tại Điều 68, Điều 35, 36, 39, 186, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ hợp đồng, cụ thể:

Việc xác lập hợp đồng giữa Ngân hàng A1 với ông N, bà L1 là có thật, thể hiện tại Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN. 1469.260124 ngày 01/02/2024, Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.1495.260124 ngày 01/02/2024; ông N, bà L1 đã nhận đủ số tiền 1.200.000.000đồng từ Ngân hàng A1 theo khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân cấp thẻ tín dụng ngày 22/4/2020 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/8/2020 như trên.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay, ông N, bà L1, thế chấp tài sản cho Ngân hàng A1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: VIL.BĐCN.61.130820 ngày 13/8/2020, kèm: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số VIL.CN.1465.260124 ngày 01/02/2024 đối với tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 595827, số vào sổ cấp GCN: CH08014 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 20/8/2015 cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, hợp đồng thế chấp tài sản được Ngân hàng A1 đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và xem xét đánh giá chứng cứ: Theo công văn số 2393/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 19/6/2025, kèm hồ sơ cấp giấy thừa đất số 365, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2025, xác định là tài sản của ông N, bà L1 và hiện nay tài sản do ông, bà đang quản lý.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền và đăng ký thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (địa điểm giao dịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á -Chi nhánh V) với ông N, bà L1 là sự thỏa thuận giữa các bên được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật, là phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320 Bộ luật Dân sự nên xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về nợ gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng, thể hiện số tiền nợ gốc là 1.374.417.062 đồng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho các bị đơn biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A1 và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N, bà L1 vẫn vắng mặt. Do đó, Ngân hàng A1 yêu cầu các bị đơn trả tiền gốc còn nợ lại là 1.374.417.062 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm mười bảy nghìn lẻ sáu mươi hai đồng) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về tiền nợ lãi:

- Về nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều Điều 100, 101, 103, 104 và khoản 2 Điều 8 NQ 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn ông N, bà L1 trả nợ lãi và tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm (04/9/2025) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng không vượt lãi suất được pháp luật quy định. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy là có cơ sở chấp nhận yêu cầu nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn Ngân hàng A1 yêu cầu.

- Về nợ lãi phạt: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất phạt chậm trả lãi tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á với ông N, bà L1 về lãi phạt chậm trả; đối chiếu Bộ luật Dân sự năm 2015, tại khoản 5, Điều 466 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, theo đó pháp luật không có quy định việc bên vay phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán; tại khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019-NQ-HĐTP về Xử lý việc không trả nợ đúng hạn trong hợp đồng vay tài sản quy định: “7. *Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần ĐỐI với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy là không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả lãi phạt chậm trả lãi là 5.375.480 đồng của Ngân hàng A1 yêu cầu.

[3]

[3.1] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A1, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu không được chấp nhận; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận;

[3.2] Chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000đồng, quá trình giải quyết nguyên đơn nộp tạm ứng để thực chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 30, 35, 39, 92, 147, 157, 158, 186, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 101, 103, 104 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 8 và khoản 1, Điều 12 NQ 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Không chấp nhận một phần đối với yêu cầu trả lãi phạt

Buộc bị đơn ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn Ngân hàng A1 tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2025 là 1.584.604.282đồng (một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi hai đồng), (trong đó: Dư nợ gốc 1.374.417.062đồng, lãi trong hạn 25.651.323đồng, lãi quá hạn 184.535.897đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về việc buộc ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi suất phạt chậm trả lãi tổng cộng bằng 5.375.480đồng (năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

1.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng và các giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ đối với lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 05/9/2025, kèm: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số VIL.CN.1465.260124 ngày 01/02/2024, cụ thể:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN. 1469.260124 ngày 01/02/2024 và các giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ, cụ thể: Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/01 (số tài khoản 430762009), giải ngân ngày 12/3/2024; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/02 (số tài khoản 435330269), giải ngân ngày 20/4/2024; giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số

VIL.CN.1469.260124/03 (số tài khoản 435512459), giải ngân ngày 22/4/2024; giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/03 (số tài khoản 435616259), giải ngân ngày 23/4/2024; giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1469.260124/04 (số tài khoản 438376689), giải ngân ngày 17/5/2024;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.1495.260124 ngày 01/02/2024 và giấy đề nghị giải ngân kèm chứng từ nhận nợ số VIL.CN.1495.260124/01 (số tài khoản 426546839), giải ngân ngày 05/02/2024.

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/8/2020, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1;

+ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân cấp thẻ tín dụng ngày 19/5/2023, gồm: Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A1

Trong trường hợp, ông N, bà L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A1 sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: VIL.BĐCN.61.130820 ngày 13/8/2020, đối với tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 595827, số vào sổ cấp GCN: CH08014 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vào ngày 20/8/2015 để thanh toán nợ vay.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí:

+ Buộc ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.338.000đồng (năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng).

+ Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đã nộp tạm ứng án phí là 27.917.000đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007823 nộp ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long). Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á là 27.617.000đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng)

Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 nộp 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này được trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1- Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến